

Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2024

**GIẢI TRÌNH
KẾT QUẢ KINH DOANH NĂM 2023**

Kính gửi: Ủy ban chứng khoán Nhà nước
Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội

Căn cứ:

- Quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán;
- Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2023;
- Các báo cáo tài chính tự lập các quý năm 2023;

Công ty Cổ phần Dược liệu Việt Nam (mã chứng khoán: DVM) xin giải trình sự biến động của lợi nhuận năm 2023 so với năm 2022 và các chênh lệch giữa báo cáo tài chính kiểm toán năm 2023 và báo cáo tự lập đã công bố như sau:

1. Chênh lệch lợi nhuận giữa năm 2023 và năm 2022:

Chỉ tiêu	Mã số	Năm 2023	Năm 2022	Giá trị tăng giảm	Tỷ lệ tăng giảm
1	2	4	5		
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	1,482,341,922,333	1,180,074,552,995	302,267,369,338	25.6%
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	622,238,801	1,123,380,440	-501,141,639	-44.6%
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10	1,481,719,683,532	1,178,951,172,555	302,768,510,977	25.7%
4. Giá vốn hàng bán	11	1,323,480,020,325	1,013,761,838,164	309,718,182,161	30.6%
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20	158,239,663,207	165,189,334,391	-6,949,671,184	-4.2%
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6,130,105,302	2,961,052,513	3,169,052,789	107.0%
7. Chi phí tài chính	22	58,874,378,815	44,120,167,623	14,754,211,192	33.4%
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23	58,596,999,362	42,424,903,383	16,172,095,979	38.1%
8. Chi phí bán hàng	25	25,672,546,257	31,921,668,329	-6,249,122,072	-19.6%
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	30,829,595,637	28,720,817,891	2,108,777,746	7.3%
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + (21 - 22) - 25 - 26)	30	48,993,247,800	63,387,733,061	-14,394,485,261	-22.7%
11. Thu nhập khác	31	655,912,019	555,193,282	100,718,737	18.1%
12. Chi phí khác	32	152,891,592	239,865,095	-86,973,503	-36.3%
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40	503,020,427	315,328,187	187,692,240	59.5%
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50	49,496,268,227	63,703,061,248	-14,206,793,021	-22.3%
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6,333,919,392	9,287,830,303	-2,953,910,911	-31.8%
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	-00	-00	-00	0.0%
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60	43,162,348,835	54,415,230,945	-11,252,882,110	-20.7%

- Lợi nhuận sau thuế trên báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2023 giảm so với cùng kỳ năm trước 11.252.882.110 đồng tương đương -20.7% do:
 - ✓ Doanh thu năm 2023 tăng 302 tỷ đồng so với năm 2022 nhưng giá vốn cũng tăng 309 tỷ đồng do mặt hàng tân dược có giá vốn cao chiếm tỷ trọng doanh thu lớn.
 - ✓ Chi phí tài chính tăng cao.
 - ✓ Chi phí bán hàng giảm 6,2 tỷ do công ty tập trung vào các kênh bán buôn, đại lý lớn và bệnh viện, giảm thiểu kênh bán lẻ.
 - ✓ Chi phí quản lý tăng 2,1 tỷ chủ yếu do biến động tăng tiền lương và các khoản trích theo lương cho người lao động.
 - ✓ Giá vốn tăng khi công ty đẩy mạnh phương án bán hàng tồn kho.

2. Chênh lệch lợi nhuận giữa báo kiểm toán năm và các báo cáo tự lập đã công bố:

Chỉ tiêu	Mã số	BCTC kiểm toán	BCTC Tự công bố	Giá trị tăng giảm	Tỷ lệ tăng giảm
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50	49,496,268,227	52,773,415,700	-3,277,147,473	-6.2%
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6,333,919,392	6,759,871,983	-425,952,591	-6.3%
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	-00	-00	-00	0.0%
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60	43,162,348,835	46,013,543,717	-2,851,194,882	-6.2%

Lợi nhuận giảm 3,27 tỷ tương đương 6,2% do:

- Trích lập bổ sung dự phòng công nợ phải thu khó đòi làm tăng chi phí 2,8 tỷ
- Ghi nhận bổ sung doanh thu hàng tặng kèm 498 triệu
- Phân bổ lại chi phí công cụ dụng cụ làm tăng chi phí 582 triệu
- Các khoản chi phí bị loại trừ khi tính thu nhập chịu thuế 462 triệu



Trên đây là ý kiến giải trình của Công ty cổ phần Dược liệu Việt Nam về kết quả kinh doanh.

Trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: Vp.

TỔNG GIÁM ĐỐC

TỔNG GIÁM ĐỐC
Vũ Thành Trung